CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán
tại thời điểm 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	6 - 11
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	12 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại các Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Công ty đang hoàn thiện các thủ tục giải thể để chấm dứt hoạt động kinh doanh theo các quy định pháp lý hiện hành. Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện các thủ tục giải thể theo Quyết định số 644/QĐ-UBCK ngày 24/06/2016; đồng thời Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 658/QĐ-UBCK ngày 30/06/2016 chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Công ty tại Hồ Chí Minh. Công ty đã chấm dứt là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Môi giới chứng khoán;*
- *Tự doanh chứng khoán;*
- *Tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Tư vấn tài chính;*
- *Lưu ký chứng khoán.*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

-	Ông Hà Hoài Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
-	Ông Phạm Tấn Huy Bằng	Uỷ viên Hội đồng quản trị
-	Ông Phạm Vĩnh Thành	Uỷ viên Hội đồng quản trị
-	Ông Trần Văn Trọng	Uỷ viên Hội đồng quản trị
-	Ông Bùi Chiến Phong	Uỷ viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

-	Ông Phạm Vĩnh Thành	Tổng Giám đốc
-	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
-	Ông Nguyễn Ngô Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
-	Ông Trần Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc
-	Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2016 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 về việc *"quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính"* và Thông tư 165/2012/TT – BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT – BTC trong việc trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2016.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT – BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT – BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT – BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2016

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

PHẠM VĨNH THÀNH

Tổng Giám đốc

Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số 214/2016/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long tại thời điểm 30/06/2016.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016 kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long, được lập ngày 08/07/2016 từ trang 05 đến trang 18.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 226/2010/TT-BTC. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của quá trình lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

BDO Audit Services Co.,Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số V "Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính" rằng chủ sở hữu của Công ty chính thức ra quyết định giải thể Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long và đã có thông báo gửi tới các cơ quan chức năng; đồng thời Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 644/QĐ-UBCK ngày 24/06/2016 về việc chấp thuận cho Công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể. Việc lập kế hoạch giải thể đã được Công ty thực hiện từ ngày 08/04/2016. Do đó Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và các kỳ tài chính sau đó được lập theo chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN BDO

PHẠM TIẾN HÙNG	**TRẦN THỊ NHƯ PHƯƠNG**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0752-2013-038-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2293-2013-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 0807-01/BC-KLS	*Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2016*
V/v Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	

KÍNH GỬI: ***ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC***
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: ngày 30/06/2016

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và Thông tư 165/2012/TT – BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT – BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

(2) Đối với những vấn đề có thể phát sinh ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng	Trưởng BP. Kiểm soát nội bộ	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thùy Linh	Đặng Ngọc Khang	Phạm Vĩnh Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	**Nguồn vốn**	**2.118.242.194.929**	-	-
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	2.025.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	444.716.419.000		
3	Cổ phiếu quỹ	(176.470.680.000)		
4	Quỹ dự phòng tài chính	45.168.134.848		
5	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(220.171.678.919)		
6	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
1A	**Tổng**	**2.118.242.194.929**		
B	**Tài sản**			
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**			
II	**Các khoản đầu tư tài chính**		-	
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	
III	**Các khoản phải thu**		-	
1	Phải thu của khách hàng		-	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	
5	Các khoản phải thu khác		-	
6	Dự phòng phải thu khó đòi (*)		-	
IV	**Hàng tồn kho**		-	
V	**Tài sản khác**		**8.711.472.611**	
1	Chi phí trả trước		-	
2	Thuế GTGT được khấu trừ		-	
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		5.720.850.571	
4	Tài sản ngắn hạn khác		2.990.622.040	
VI	**Tài sản cố định**		**1.412.454.684**	
VII	**Bất động sản đầu tư**		-	
1B	**Tổng**		**10.123.927.295**	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B		**2.108.118.267.634**		

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: VND

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	*(2)*	*(3)=(1)x(2)*
I. Tiền và các khoản tương đương tiền công cụ thị trường tiền tệ			**1.917.411.784.520**	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	36.621.766	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	1.917.375.162.754	-
II. Trái phiếu chính phủ			-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			**51.020.251.000**	**15.306.075.300**
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK TPHCM, chứng chỉ quĩ đại chúng dạng mở	10%	-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCOM	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	51.020.251.000	15.306.075.300
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quĩ đầu tư chứng khoán			-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				**15.306.075.300**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

B. RỦI RO THANH TOÁN

Đơn vị: VND

	Loại hình giao dịch	*Giá trị rủi ro*						*Tổng giá trị rủi ro*
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								**122.580.000.000**
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	122.580.000.000	-	122.580.000.000
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								-
	Thời gian quá hạn				**Hệ số rủi ro**		**Qui mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				16%		-	-
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				32%		-	-
3	31- 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				48%		-	-
4	Từ 60 ngày trở lên				100%		-	-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác				**Mức tăng thêm**		**Qui mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
	(Không có)							
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)								**122.580.000.000**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tính trong vòng 12 tháng)

Đơn vị: VND

		Giá trị
I.	**Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng**	**398.892.228.597**
II.	***Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí***	**(52.093.144.941)**
	1. Chi phí khấu hao	684.386.349
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(52.890.031.290)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	112.500.000
III.	**Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)**	**450.985.373.538**
IV.	**25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%xIII)**	**112.746.343.385**
V.	**20% vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán**	**60.000.000.000**
	C.TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	**112.746.343.385**
	D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	**250.632.418.685**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	15.306.075.300	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	122.580.000.000	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	112.746.343.385	
4.	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**	**250.632.418.685**	
5.	**Vốn khả dụng**	**2.108.118.267.634**	
6.	**Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)**	**841,12%**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại các Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Công ty có 01 chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty đang hoàn thiện các thủ tục giải thể để chấm dứt hoạt động kinh doanh theo các quy định pháp lý hiện hành. Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện các thủ tục giải thể theo Quyết định số 644/QĐ-UBCK ngày 24/06/2016; đồng thời Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 658/QĐ-UBCK ngày 30/06/2016 chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Công ty tại Hồ Chí Minh. Công ty không còn là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Môi giới chứng khoán;*
- *Tự doanh chứng khoán;*
- *Tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Tư vấn tài chính;*
- *Lưu ký chứng khoán.*

Công ty có trụ sở tại số 22 phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Trụ sở tại phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2016, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 86 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư 226/2010/TT – BTC và Thông tư 165/2012/TT – BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT – BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 226/2010/TT – BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Vốn khả dụng

Vốn khả dụng của Công ty là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận bao gồm lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế của kỳ hiện tại chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật, và được điều chỉnh tăng/(giảm) cho các khoản mục dưới đây:

Các khoản điều chỉnh tăng:

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

+ *Giá trị của các khoản trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có thời hạn ban đầu là 05 năm không được đảm bảo bằng tài sản của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;*
+ *Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm không được đảm bảo bằng tài sản của Công ty đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*
+ *Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.*

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Các khoản điều chỉnh giảm:

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

+ *Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;*
+ *Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;*
+ *Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).*

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (*đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba*) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản và giá trị sổ sách (*đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng*).

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng × Giá tài sản × Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

+ Cổ phiếu quỹ;
+ Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
✓ *Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;*
✓ *Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.*
+ Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán.
+ Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT – BTC.

Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn bằng giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua, mệnh giá, giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UPCOM là là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu (Tiếp theo)

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.
Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

+ *Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;*
+ *Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;*
+ *Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty;*

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

+ Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng: các khoản cho vay đối với các tổ chức cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:
  Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro.

+ Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

+ Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cám kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

  Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)

Hệ số rủi ro thanh toán:

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quy định trong Thông tư 226/2010/TT – BTC. Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T + 3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T + 1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T + n (đối với giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong ngày theo thỏa thuận của hai bên).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán:

a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- ✓ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường Hợp đồng} - \text{Giá trị TSĐB(nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị TSĐB} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\left\{\left(\begin{array}{c}\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \\ \text{Giá trị thị trường Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số RR thị trường})\end{array}\right), 0\right\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\left\{\left(\begin{array}{c}\text{Giá trị thị trường Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số RR thị trường}) \\ -\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}\end{array}\right), 0\right\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.
Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.
Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

III. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)

b. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
+ Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:
Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1- Hệ số rủi ro thị trường)

Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

+ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
+ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
+ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

+ Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
+ Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
+ Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

V. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Chủ sở hữu Công ty đã chính thức ra quyết định giải thể Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long và đã có thông báo gửi tới các cơ quan chức năng; đồng thời Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 644/QĐ-UBCK ngày 24/06/2016 về việc chấp thuận cho Công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể. Việc lập kế hoạch giải thể đã được Công ty thực hiện từ ngày 08/04/2016. Do đó Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và các kỳ tài chính sau đó được lập theo chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

NGUYỄN THÙY LINH	PHẠM VĨNH THÀNH
Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**